

**DANH SÁCH ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI DỰ THI CẤP THÀNH PHỐ
NĂM HỌC 2022 - 2023**

STT	Họ lót	Tên	Giới tính	Lớp	Trường THCS	Môn Thi
1	VÕ GIA TƯỜNG	THY	Nữ	9.2	Tân Túc	Ngữ văn
2	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	Nữ	9.2	Tân Túc	Ngữ văn
3	PHẠM NGUYỄN BẢO	HÂN	Nữ	9-1	Đồng Đen	Ngữ văn
4	NGUYỄN THỊ XUÂN	MAI	Nữ	9/6	Tân Nhựt	Ngữ văn
5	VÕ NGỌC MINH	CHÂU	Nữ	9/5	Qui Đức	Ngữ văn
6	ĐOÀN THỊ NGỌC	HÂN	Nữ	9/2	Tân Quý Tây	Ngữ văn
7	NGUYỄN NGỌC MÃN	NGHI	Nữ	9/3	Tân Nhựt	Ngữ văn
8	NGUYỄN NGỌC THI	THỨ	Nữ	9/6	Vĩnh Lộc A	Ngữ văn
9	LÝ THANH	TRÚC	Nữ	9/3	Hưng Long	Ngữ văn
10	NGUYỄN LÊ THANH	AN	Nữ	9/1	Tân Nhựt	Ngữ văn
11	NGUYỄN THUY	DƯƠNG	Nữ	9A1	Phong Phú	Ngữ văn
12	HUỲNH ÁNH	DƯƠNG	Nữ	9A4	Phạm Văn Hai	Ngữ văn
13	HUỲNH GIA BẢO	NGỌC	Nữ	9A7	Bình Chánh	Ngữ văn
14	CHUNG NGỌC	QUYÊN	Nữ	9/7	Nguyễn Thái Bình	Ngữ văn
15	NGÔ NGUYỄN NHẬT	THY	Nữ	9/1	Nguyễn Thái Bình	Ngữ văn
16	VÕ NGUYỄN THUY	TRẦN	Nữ	9/6	Hưng Long	Ngữ văn
17	VŨ YẾN	TRANG	Nữ	9A1	Phạm Văn Hai	Ngữ văn
18	TRẦN HÀ	TRANG	Nữ	9-8	Đồng Đen	Ngữ văn
19	CAO NGỌC NHÃ	UYÊN	Nữ	9A2	Phong Phú	Ngữ văn
20	PHẠM THUY THỂ	VY	Nữ	9A1	Phong Phú	Ngữ văn
21	HỒ THỂ	QUÂN	Nam	9A1	Phạm Văn Hai	Lịch sử
22	VÕ LÊ XUÂN	NGHI	Nữ	9A1	Phạm Văn Hai	Lịch sử
23	NGUYỄN VÕ GIA	ANH	Nữ	9/8	Nguyễn Thái Bình	Lịch sử
24	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	Nữ	9/15	Vĩnh Lộc B	Lịch sử
25	CAO CẨM	THY	Nữ	9A3	Phong Phú	Lịch sử
26	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	LAN	Nữ	9/15	Vĩnh Lộc B	Lịch sử
27	NGUYỄN NGỌC	TUYÊN	Nữ	9/15	Vĩnh Lộc B	Lịch sử
28	NGUYỄN THU	HUYỀN	Nữ	9/15	Vĩnh Lộc B	Lịch sử
29	NGUYỄN HOÀI	NAM	Nam	9-9	Đồng Đen	Lịch sử
30	BÙI CÁC	PHI	Nữ	9.3	Tân Túc	Lịch sử
31	PHẠM NGỌC	THƠ	Nữ	9/5	Tân Kiên	Lịch sử
32	MAI NGUYỄN NGỌC	BÍCH	Nữ	9/5	Nguyễn Thái Bình	Lịch sử
33	PHẠM QUỲNH	NHƯ	Nữ	9/1	Tân Nhựt	Lịch sử
34	DƯƠNG TRẦN BẢO	THI	Nữ	9/2	Nguyễn Thái Bình	Lịch sử
35	ĐOÀN THỊ NGỌC	HỒNG	Nữ	9/5	Nguyễn Thái Bình	Lịch sử
36	LÊ THỊ TUYẾT	NHI	Nữ	9.2	Tân Túc	Địa lý
37	HỒ VĂN	NHÂN	Nam	9/6	Vĩnh Lộc A	Địa lý
38	LÊ HOÀNG NGỌC	NHI	Nữ	9.2	Tân Túc	Địa lý
39	DƯƠNG PHẠM NHƯ	Ý	Nữ	9/9	Vĩnh Lộc A	Địa lý
40	NGUYỄN THIÊN	NHÂN	Nam	9.2	Tân Túc	Địa lý

41	ĐỖ KHẮC	ĐẠT	Nam	9/7	Lê Minh Xuân	Địa lý
42	NGÔ THỊ QUỲNH	NHƯ	Nữ	9/7	Lê Minh Xuân	Địa lý
43	PHAN THỊ HUỲNH	NHƯ	Nữ	9.2	Tân Túc	Địa lý
44	DƯƠNG CÔNG	KHÁNH	Nam	9.2	Tân Túc	Địa lý
45	THẠCH NGỌC HUỲNH	TRẦN	Nữ	9/9	Lê Minh Xuân	Địa lý
46	PHẠM PHƯƠNG	LAN	Nữ	9/6	Tân Kiên	Địa lý
47	BUI KIM	OANH	Nữ	9A1	Phong Phú	Địa lý
48	NGUYỄN LÊ THẢO	VY	Nữ	9.2	Tân Túc	Địa lý
49	NGUYỄN THỊ TRÚC	PHƯƠNG	Nữ	9.1	Tân Túc	Địa lý
50	VÕ PHAN HỮU	LỘC	Nam	9/2	Vĩnh Lộc A	Địa lý
51	NGÔ THỊ PHÚC	THỊNH	Nữ	9/18	Vĩnh Lộc B	Địa lý
52	ĐỖ HOÀNG KIM	THƯ	Nữ	9/5	Vĩnh Lộc A	Địa lý
53	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	Nữ	9/6	Tân Kiên	Địa lý
54	HÀ THỊ	TÌNH	Nữ	9/8	Vĩnh Lộc A	Địa lý
55	LÊ HOÀNG THUY	TRANG	Nữ	9/8	Hưng Long	Địa lý
56	LỤC CẨM	HÀO	Nam	9-4	Đồng Đen	Tiếng Anh
57	KHÔNG LAM	ANH	Nữ	9/6	Nguyễn Thái Bình	Tiếng Anh
58	TRƯƠNG PHƯƠNG	YẾN	Nữ	9A10	Bình Chánh	Tiếng Anh
59	VÕ NGỌC HOÀN	HÀO	Nữ	9/8	Lê Minh Xuân	Tiếng Anh
60	ĐOÀN LƯU ĐỨC	TÀI	Nam	9a2	Đa Phước	Tiếng Anh
61	CAO ĐỖ THANH	TÂM	Nữ	9.2	Albert Einst	Tiếng Anh
62	LÊ HỒNG	NHẬT	Nam	9	Thế Giới Trẻ Em	Tiếng Anh
63	HUỲNH NHẬT	NAM	Nam	9.3	Albert Einst	Tiếng Anh
64	NGÔ ĐÌNH	KHA	Nam	9/1	Tân Quý Tây	Tiếng Anh
65	PHAN HOÀNG MINH	KHANG	Nam	9-1	Đồng Đen	Tiếng Anh
66	PHAN PHÚ	KHÁNH	Nam	9A11	Bình Chánh	Tiếng Anh
67	TRẦN GIA	HÂN	Nữ	9A1	Phạm Văn Hai	Tiếng Anh
68	TU NGỒ THU	MINH	Nữ	9.1	Albert Einst	Tiếng Anh
69	PHẠM GIA	HÂN	Nữ	9	Thế Giới Trẻ Em	Tiếng Anh
70	LÊ TRIỆU	VY	Nữ	9A1	Phạm Văn Hai	Tiếng Anh
71	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	Nữ	9A10	Phạm Văn Hai	Công nghệ
72	PHẠM GIA	BẢO	Nam	9A10	Phạm Văn Hai	Công nghệ
73	TRẦN NGỌC KIỀU	THI	Nữ	9A1	Phong Phú	Công nghệ
74	BUI NGỌC PHƯƠNG	ANH	Nữ	9.3	Tân Túc	Công nghệ
75	CAO TIẾN	ĐẠT	Nam	9/2	Lê Minh Xuân	Công nghệ
76	PHẠM THỊ MINH	THƯ	Nữ	9A1	Phong Phú	Công nghệ
77	TRƯƠNG NGUYỄN	KHANG	Nam	9.3	Tân Túc	Công nghệ
78	TRƯƠNG HOÀNG	TUẤN	Nam	9.3	Tân Túc	Công nghệ
79	VÕ THUY	LINH	Nữ	9A2	Phong Phú	Công nghệ
80	NGUYỄN HOÀNG	NHÂN	Nam	9/6	Tân Quý Tây	Công nghệ
81	LÊ PHAN HOÀNG	CHƯƠNG	Nam	9.2	Nguyễn Thái Bình	Công nghệ
82	TRẦN NGỌC	PHÚ	Nam	9/6	Tân Quý Tây	Công nghệ
83	ĐẶNG VŨ	VƯƠNG	Nam	9.7	Tân Túc	Công nghệ
84	LÊ MINH	THÀNH	Nam	9.1	Nguyễn Thái Bình	Công nghệ
85	ĐỖ KHÁNH	DUNG	Nữ	9A3	Bình Chánh	Tin học
86	TRẦN DUY	HÙNG	Nam	9/5	Qui Đức	Tin học
87	NGUYỄN QUANG	THIỆN	Nam	9/1	Nguyễn Thái Bình	Tin học

88	HỨA MINH	TRIẾT	Nam	9A1	Bình Chánh	Tin học
89	PHAN NGỌC NHƯ	Ý	Nữ	9A11	Bình Chánh	Tin học
90	LÊ THÀNH MINH	ĐĂNG	Nam	9/4	Nguyễn Thái Bình	Tin học
91	TRẦN HOÀNG	DUY	Nam	9.3	Tân Túc	Tin học
92	LÊ HỒ BẢO	HÒA	Nam	9/5	Nguyễn Thái Bình	Tin học
93	CAO ĐỨC	HUY	Nam	9A11	Bình Chánh	Tin học
94	ĐỖ THÀNH	NAM	Nam	9.9	Nguyễn Văn Linh	Tin học
95	LÊ CÔNG	NGUYỄN	Nam	9.2	Tân Túc	Toán học
96	PHẠM TRƯỜNG	SANG	Nam	9A1	Phong Phú	Toán học
97	ĐINH TRÍ	PHÁT	Nam	9.2	Tân Túc	Toán học
98	LÊ VĂN VŨ	PHONG	Nam	9-1	Đồng Đen	Toán học
99	LÊ MINH	KHAI	Nam	9/4	Lê Minh Xuân	Toán học
100	PHẠM TÂN	MINH	Nam	9/3	Vĩnh Lộc A	Toán học
101	PHAN MINH	PHÁT	Nam	9/3	Vĩnh Lộc A	Toán học
102	DƯƠNG THUY MINH	TÂM	Nữ	9A1	Phạm Văn Hai	Toán học
103	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	THI	Nữ	9/2	Tân Quý Tây	Toán học
104	LÂM NGUYỄN	KHÔI	Nam	9/5	Vĩnh Lộc A	Toán học
105	Trần Ngọc Tố	Như	Nữ	9/7	Tân Quý Tây	Toán học
106	HUỲNH HOÀNG	QUÂN	Nam	9A1	Phong Phú	Toán học
107	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	Nam	9/4	Vĩnh Lộc A	Toán học
108	HUỲNH LAM	PHƯƠNG	Nữ	9/1	Nguyễn Thái Bình	Toán học
109	DANH NGUYỄN THUY	LIÊU	Nữ	9.2	Tân Túc	Vật lý
110	ĐÀO MINH	KHANG	Nam	9/4	Tân Kiên	Vật lý
111	DƯƠNG HOÀNG	THẮNG	Nam	9/4	Tân Kiên	Vật lý
112	NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG	UYÊN	Nữ	9/4	Tân Kiên	Vật lý
113	NGUYỄN TUẤN	ANH	Nam	9/4	Nguyễn Thái Bình	Vật lý
114	NGUYỄN NGỌC MỸ	LINH	Nữ	9/3	Hưng Long	Vật lý
115	HỒ THIÊN	PHƯỚC	Nam	9/1	Nguyễn Thái Bình	Vật lý
116	TRẦN THỊ MAI	THY	Nữ	9A3	Phong Phú	Vật lý
117	ĐỖ TIẾN	DŨNG	Nam	9.1	Tân Túc	Vật lý
118	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	Nữ	9/1	Tân Quý Tây	Vật lý
119	TRẦN HỮU	PHÁT	Nam	9/7	Nguyễn Thái Bình	Vật lý
120	ĐẶNG HOÀNG	PHÚC	Nam	9/4	Vĩnh Lộc A	Vật lý
121	PHẠM PHƯƠNG	VY	Nữ	9A1	Phong Phú	Vật lý
122	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THẢO	Nữ	9/8	Nguyễn Thái Bình	Hóa học
123	ĐẶNG NGỌC THUY	DUNG	Nữ	9A6	Phong Phú	Hóa học
124	NGUYỄN THUY BẢO	NGỌC	Nữ	9/7	Nguyễn Thái Bình	Hóa học
125	TRẦN HOÀNG	LONG	Nam	9A11	Bình Chánh	Hóa học
126	TRẦN MINH	LONG	Nam	9-3	Đồng Đen	Hóa học
127	Nguyễn Dương Minh	Hiếu	Nam	9/12	Vĩnh Lộc A	Hóa học
128	BUI NGUYỄN KHÁNH	LINH	Nữ	9/1	Nguyễn Thái Bình	Hóa học
129	TRẦN HIẾU NGỌC	VÂN	Nữ	9A6	Phong Phú	Hóa học
130	ĐOÀN PHẠM HỒNG	THIỆN	Nam	9/4	Hưng Long	Hóa học
131	PHẠM NGỌC KHÁNH	VY	Nữ	9-10	Đồng Đen	Hóa học
132	NGUYỄN TÔ ÁNH	DƯƠNG	Nữ	9A1	Phong Phú	Hóa học
133	KHÁU TRẦN NGỌC	QUYÊN	Nữ	9/2	Tân Quý Tây	Hóa học
134	LƯƠNG BÁ	TÍN	Nam	9/1	Nguyễn Thái Bình	Hóa học

135	NGÔ NGUYỄN HẠNH	TRÂM	Nữ	9A1	Phạm Văn Hai	Hóa học
136	TRẦN ĐÌNH KHIẾT	TUỖNG	Nam	9.1	Tân Túc	Hóa học
137	PHAN NHƯ	Ý	Nữ	9/1	Qui Đức	Hóa học
138	PHAN THỊ PHƯƠNG	THẢO	Nữ	9/6	Nguyễn Thái Bình	Sinh học
139	LÊ KHÁNH	TOÀN	Nam	9/9	Nguyễn Thái Bình	Sinh học
140	DƯƠNG ĐĂNG	KHOA	Nam	9/1	Nguyễn Thái Bình	Sinh học
141	TỔNG PHƯƠNG	NGUYỄN	Nữ	9/1	Nguyễn Thái Bình	Sinh học
142	PHẠM NHẬT	MẠNH	Nam	9/2	Nguyễn Thái Bình	Sinh học
143	NGUYỄN NHỰT MINH	KHÔI	Nam	9.1	Nguyễn Văn Linh	Sinh học
144	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	Nữ	9.1	Nguyễn Văn Linh	Sinh học
145	PHẠM THỊ GIA	HÂN	Nữ	9/5	Vĩnh Lộc A	Sinh học
146	TRIỆU NGỌC	MÃN	Nữ	9/9	Vĩnh Lộc B	Sinh học
147	ĐOÀN KIỀU BẢO	NGỌC	Nữ	9.1	Nguyễn Văn Linh	Sinh học
148	PHAN NGỌC TRÂM	ANH	Nữ	9/2	Hưng Long	Sinh học
149	NGUYỄN THỊ THU	NGÂN	Nữ	9/3	Vĩnh Lộc A	Sinh học
150	TRẦN THỊ KIM	PHỤNG	Nữ	9/9	Hưng Long	Sinh học
151	LÊ HOÀI	AN	Nữ	9.1	Nguyễn Văn Linh	Sinh học
152	PHẠM PHƯƠNG	DUYỀN	Nữ	9.1	Nguyễn Văn Linh	Sinh học
153	LÊ VĂN	HIẾU	Nam	9/3	Vĩnh Lộc A	Khoa học tự nhiên
154	TRẦN NIÊN	TUỖNG	Nam	9/3	Nguyễn Thái Bình	Khoa học tự nhiên
155	NGUYỄN HỮU PHI	DUY	Nam	9-11	Đồng Đen	Khoa học tự nhiên
156	NGUYỄN THỊ MAI	LAN	Nữ	9/8	Vĩnh Lộc A	Khoa học tự nhiên
157	TRẦN QUỐC	THÔNG	Nam	9/3	Vĩnh Lộc A	Khoa học tự nhiên
158	NGUYỄN HOÀNG XUÂN	MAI	Nữ	9/12	Vĩnh Lộc A	Khoa học tự nhiên
159	ĐINH MÃI	NHỚ	Nữ	9/2	Tân Kiên	Khoa học tự nhiên
160	PHAN NGUYỄN THẢO	NGUYỄN	Nữ	9-12	Đồng Đen	Khoa học tự nhiên
161	NGUYỄN LÊ NHƯ	QUỲNH	Nữ	9/9	Vĩnh Lộc A	Khoa học tự nhiên
162	NGUYỄN MINH	TRÍ	Nam	9/14	Vĩnh Lộc B	Khoa học tự nhiên

Tổng kết danh sách có 162 em được chọn vào Đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp Thành phố.

NGƯỜI LẬP BẢNG

Lê Trung

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Mỹ Châu